

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN NHƯ THANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 70 /TM-BVNT

Như Thanh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ GÓI THẦU
Mua hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại bệnh viện đa
khoa huyện Như Thanh năm 2023-2024

Kính gửi: Các nhà thầu

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị Y tế;

Căn cứ thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà Nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà Nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm Y tế;

Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Quyết định 2931/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán đấu thầu tập trung tại Sở Y tế Thanh Hóa năm 2023-2024;

Căn cứ công văn số 3636/SYT-QLD ngày 09/9/2022 về việc mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán không nằm trong danh mục đấu thầu tập trung tại Sở Y tế năm 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ kế hoạch đấu thầu mua vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán năm 2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh.

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh mời các Nhà thầu tham gia chào giá với nội dung như sau:

Tên gói thầu: Mua vật tư Y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán tại bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh năm 2023-2024.

Nguồn vốn: Nguồn quỹ Bảo hiểm Y tế, nguồn thu dịch vụ Y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh;

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Hình thức, phương thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi

Thời gian nhận báo giá: Kể từ ngày bệnh viện đa khoa Như Thanh gửi thông báo đến 10h ngày 10 /4/2023.

Nhà thầu báo giá chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về bảng chào giá của đơn vị mình.

Hình thức nộp báo giá:

1. Nhà thầu gửi trước cho bệnh viện đa khoa Như Thanh qua hộp thư điện tử theo địa chỉ: Lehiep.bvnt@gmail.com

1. Đồng thời gửi bản cứng theo địa chỉ sau: Lê Hữu Hiệp, Khoa dược bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh- Khu phố 3- TT Bến Sung- huyện Như Thanh- tỉnh Thanh Hóa.

Mọi chi tiết nhà thầu liên hệ số điện thoại: 0974272923 (Lê Hữu Hiệp)

(Đính kèm thư mời: Bảng danh mục yêu cầu chào giá)/.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban GD (để báo cáo)
- Lưu VT, KD.



GIÁM ĐỐC

Đoàn Mạnh Luân



BẢNG CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời số 70 /TM-BVNT ngày 29/3/2023 của Giám đốc bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh)

Mã hàng hóa	Nhóm TT	Tên vật tư y tế mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật mời thầu			Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Ghi chú
M2		2. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY SINH HÓA A15, A25 và BA400 HÃNG BIOSYSTEMS - TÂY BAN NHA						
M2.4	N3	Chất chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng FERRITIN. Thành phần: Ferritin Standard: Huyết thanh người.			ml	6	
M2.7	N3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1. Thành phần: Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).			ml	10	
M2.8	N3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2. Thành phần: Biochemistry Control Serum chứa: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người (hoàn nguyên với 5 mL nước).			ml	10	
M2.14	N3	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy. Dạng dung dịch. Thành phần: Dung dịch rửa chứa Natri hydroxyd 4%. Triton X-100 10%			ml	3.000	
M2.23	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calcium theo phương pháp Arsenazo	"Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calcium mẫu huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu người.. Phương pháp đo: Arsenazo III. Dải đo: 0.05 - 4.5 mmol/L. Thành phần: A. Thuốc thử: Arsenazo III 0,2 mmol/L, imidazol 75 mmol/L. S. Chất chuẩn calci/magie. Calci 10 mg/dL (2,5 mmol/L), magie 2 mg/dL. Chất chuẩn gốc dung dịch nước."			ml	820	
M2.25	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase (CK)	"Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase (CK) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 9.2 - 1300 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử: Imidazol 125 mmol/L, EDTA 2 mmol/L, magie acetat 12,5 mmol/L, D-glucose 25 mmol/L, N-acetyl cystein 25 mmol/L, hexokinase 6000 U/L, NADP 2,4 mmol/L, pH 6,7. B. Thuốc thử: Creatine phosphat 250 mmol/L, ADP 15 mmol/L, AMP 25 mmol/L, P1,P5-di(adenosine-5'-)pentaphosphat, 102 µmol/L, glucose-6-phosphat dehydrogenase 8000 U/L			ml	100	
M2.26	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-MB (CK-MB)	"Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: Immunoinhibition. Dải đo: 3 -1000 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử: Kháng thể kháng CK-M người có khả năng ức chế 2000 U/L CK-M; Imidazol 125 mmol/L; EDTA 2 mmol/L; magie acetat 12,5 mmol/L; D-glucose 25 mmol/L; N-acetyl cystein 25 mmol/L; hexokinase 6800 U/L; NADP 2,4 mmol/L, pH 6,1. B. Thuốc thử: Creatine phosphate 250 mmol/L; ADP 15,2 mmol/L; AMP 25 mmol/L; AMP 25 mmol/L; P1,P5-di(adenosine-5'-) pentaphosphate 103 µmol/L; glucose-6-phosphate dehydrogenase 8800 U/L.			ml	100	
M2.32	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ferritin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ferritin mẫu huyết thanh người. Phương pháp đo Latex, đo độ đục. Dải đo: 4-500 µg/L. Thành phần: A. Thuốc thử (1 lọ x 30 mL) chứa: đệm glycín 170 mmol/L, natri clorid 100 mmol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,2. B. Thuốc thử (1 lọ x 15 mL) chứa: hỗn dịch chứa các hạt latex phủ kháng thể kháng ferritin người, natri azid 0,95 g/L.			ml	90	

M2.36	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Iron-Ferrozine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Iron-Ferrozine mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: Ferrozine. Dài đo: 1.1 -179 $\mu\text{mol/L}$. Thành phần: A. Thuốc thử (4 lọ x 40 mL) chứa: Guanidin clorid 1,0 mol/L, đệm acetat 0,4 mol/L, pH 4,0. B. Thuốc thử (4 lọ x 10 mL) chứa: Ferrozine 8 mmol/L, acid ascorbic 200 mmol/L. S. Chất chuẩn sắt (1 lọ x 5 mL) chứa: Sắt 200 $\mu\text{g/dL}$ (35,8 $\mu\text{mol/L}$). Chất chuẩn gốc dạng dung dịch nước.	ml	205
M2.42	N3	Dung dịch acid rửa máy	Dung dịch acid rửa máy. Dạng dung dịch. Thành phần: Dung dịch rửa chứa Acid hydrocloric 0.01 mol/L, chất bảo quản. pH 2.0	ml	2.500
M2.43	Không phân nhóm	Bóng đèn máy sinh hóa A15	Bóng đèn máy sinh hóa 6V/10W	Chiếc	15
M2.44	N3	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (GGT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo: IFCC. Dài đo: 1.6 -600 U/L. Thành phần: A. Thuốc thử: Glycylglycin 206,25 mmol/L, natri hydroxid 130 mmol/L, pH 7,9. B. Thuốc thử: γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilid 32,5 mmol/L.	ml	500
M2.45	N3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: CREATINE KINASE-MB (CK-MB) STANDARD: CK-MB người, đệm PIPES, natri hydroxid.	ml	30
M3		3. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200. HÃNG SẢN XUẤT: SIEMENS DIAGNOSTICS/ ĐỨC			
M3.1	N1	Chất hiệu chuẩn Chemistry I dùng cho các xét nghiệm sinh hóa	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	70
M3.2	N1	Chất hiệu chuẩn Chemistry II dùng cho các xét nghiệm sinh hóa	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	21
M3.3	N1	Chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm tuyến giáp	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	20
M3.4	N1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cholesterol	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	24
M3.5	N1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HDL-Cholesterol	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	12
M3.6	N1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hóa	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	ml	24
M3.7	N1	Thuốc thử xét nghiệm Amylase	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	1.680
M3.8	N1	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	2.880
M3.9	N1	Thuốc thử xét nghiệm Calcium	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	2.880
M3.10	N1	Thuốc thử xét nghiệm Creatinin	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	14.880
M3.11	N1	Thuốc thử xét nghiệm GGT	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	500
M3.12	N1	Thuốc thử xét nghiệm Glucose	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	21.600
M3.13	N1	Thuốc thử xét nghiệm HDL Cholesterol	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	720
M3.14	N1	Thuốc thử xét nghiệm LDL Cholesterol	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	480

M3.15	N1	Thuốc thử xét nghiệm Protein toàn phần	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	960
M3.16	N1	Thuốc thử xét nghiệm Uric Acid	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Test	4.800
M3.17	N1	Công đo trên hệ thống xét nghiệm sinh hóa Dimension	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	432.000
M3.18	N1	Thuốc thử xét nghiệm GPT/ALT	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	14.400
M3.19	N1	Thuốc thử xét nghiệm GOT/AST	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	14.400
M3.20	N1	Thuốc thử xét nghiệm urea nitrogen	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	14.400
M3.21	N1	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	6.000
M3.22	N1	Cốc đựng mẫu	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	2.000
M3.23	N1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Bilirubin	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	8
M3.24	N1	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	2.880
M3.25	N1	Thuốc thử xét nghiệm Triglycerid	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	6.000
M3.26	N1	Thuốc thử xét nghiệm FT3	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	500
M3.27	N1	Thuốc thử xét nghiệm FT4	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	300
M3.28	N1	Thuốc thử xét nghiệm TSH	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	300
M3.29	N1	Chất hiệu chuẩn dùng cho các xét nghiệm tuyến giáp	HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA, MIỄN DỊCH DIMENSION EXL 200	Cái	20
M4		4. HOA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY ĐIỆN GIẢI Instrumentation Laboratory; Model: ILYTE Na+/K+/Ca++/PH Model: ILYTE Na+/K+/Cl			

M4.3	N3	Hóa chất điện giải, dung dịch Pack đo các thông số Na/K/Ca/PH	Sản phẩm là hóa chất dùng để xác định định lượng natri (Na⁺), kali (K⁺) và canxi ion hóa (iCa⁺⁺) trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của con người bằng máy phân tích MEDICA EasyLyte®. THÀNH PHẦN THUỐC THỬ BAO GỒM: Dung dịch tiêu chuẩn A, 800mL 145,0 mmol / L Na⁺ 4,0 mmol / L K⁺ 1,25 mmol / L Ca⁺⁺ 7,40 đơn vị pH Chất đệm Chất bảo quản Chất làm ướt Dung dịch tiêu chuẩn B, 180mL 80,0 mmol / L Na⁺ 10,0 mmol / L K⁺ 2,50 mmol / L Ca⁺⁺ 6,80 đơn vị pH Chất đệm Chất bảo quản Chất làm ướt Thùng chứa chất thải	ml	9.600	
M4.5	N3	Bộ bảo trì dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Bộ bảo trì dùng cho máy xét nghiệm điện giải, gồm: 1 màng điện cực, 1 dây bơm, dung dịch làm đầy điện cực	bộ	2	
M4.6	N3	Điện cực Natri	Điện cực Na	cái	2	
M4.7	N3	Điện cực Kali	Điện cực K	cái	2	
M4.8	N3	Điện cực Canxi	Điện cực Ca	cái	2	
M4.9	N3	Điện cực pH	Điện cực pH	cái	2	
M4.10	N3	Dây bơm dùng cho máy điện giải	Bộ dây bơm cho máy điện giải	cái	2	
M4.11	N3	Kim hút mẫu dùng cho máy điện giải	Kim hút mẫu máy xét nghiệm điện giải	cái	2	
M7		7. Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Urometer 720 - Standard Diagnostic/ Hàn Quốc				
M7.1	N2	Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 11 thông số	"Đo các thông số theo thứ tự: Blood, Bili, Uro, Ketone, Protein, Nitrit, Glucose, pH, SG, Leu. Que thử không chuyển màu sau khi hoàn tất thử nghiệm, không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu. Màu khác nhau tùy thông số. Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy"	Test	10.000	
M9		9. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY HUYẾT HỌC Hemaray 86; Hãng Rayto				
M9.1	Nhóm 6	Diluent RD-86	NaCl<1.5%, Chất phụ gia<1.0% và nước cất Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto Có thẻ RFID	ml	400.000	

M9.2	Nhóm 6	Lyse 86D	Chất hoạt động bề mặt<10.0%, NaCl<1.5%,Chất phụ gia<0.2%	Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto Có thể RFID	ml	5.000
M9.3	Nhóm 6	Lyse 86H	Muối amoni bậc 4<10.0%, NaCl<1.5	Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto Có thể RFID	ml	3.000
M9.4	Nhóm 6	Cleamse RC-86	Dung dịch đệm <0.3%, Protease<0.2%	Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto	ml	4.000
M9.5	Nhóm 6	Concentrated, Cleanser RC-86C	Nước Javen<10%	Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto	ml	3.000
M9.6	Nhóm 6	Control hight	3ml/lọ Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto		ml	9.000
M9.7	Nhóm 6	Control low	3ml/lọ Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto		ml	9.000
M9.8	Nhóm 6	Control normal	3ml/lọ Tương thích cho máy huyết học Hemaray 86 Hãng Rayto		ml	9.000
M10		10. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY ĐÓNG MÁU RT-2204C, RAC-050, Hãng Rayto				
M10.1	Nhóm 6	APTT	Activated Partial Thromboplastin Time Reagent(APTT)		ml	1.000
M10.2	Nhóm 6	Control	Control		ml	10
M10.3	Nhóm 6	Cuvete	Cuvete		cái	5.000
M10.4	Nhóm 6	FIB	Fibrinogen Reagent LIQUID (FIB)		ml	200
M10.5	Nhóm 6	PT	Prothrombin Time Reagent LIQUID (PT)		ml	300
M10.6	Nhóm 6	Sample cup	Sample cup		cái	1.000
M10.7	Nhóm 6	TT	Thrombin Time Reagent LIQUID (TT)		ml	300
SPCĐ.7	N2	Test viêm gan A HAV	HAV IgG/IgM là một xét nghiệm miễn dịch dựa trên màng định tính để phát hiện các kháng thể HAV trong huyết thanh hoặc huyết tương Test thử chứa các hạt kháng thể anti-HAV và anti-human IgG, anti-human IgM được phủ trên màng Trong thành phần IgM, anti-human IgM được phủ trong vùng thử nghiệm IgM Trong thành phần IgG, anti-human IgG được phủ trong vùng thử nghiệm IgG Độ nhạy tương đối: (25+40)/ (28+40) =95.6% (95%CI*: 87.6%-99.1%); Tính đặc hiệu tương đối:248/248>99.9% (95%CI*: 98.8%-100.0%); Độ chính xác: (25+40+248)/ (28+40+248) =99.1% (95%CI*: 97.2%-99.8%). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Test	50	
SPCĐ.8	N2	Test Chlamydia	Phát hiện định tính Kháng nguyên Chlamydia trên tấm bông cổ tử cung nữ, tấm bông phết niệu đạo nam và mẫu nước tiểu nam Thành phần khay thử: + Hạt được phủ kháng thể Chlamydia + Kháng thể Chlamydia được phủ trên màng và đệm với 0.03% Proclin 300 Với mẫu bệnh phẩm cổ tử cung nữ, độ nhạy tương đối 90%; độ đặc hiệu tương đối 96.5%; độ chính xác tương đối 94.8% Với mẫu bệnh phẩm niệu đạo nam, độ nhạy tương đối 80.9%; độ đặc hiệu tương đối 94.3%; độ chính xác tương đối 90.2% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Test	50	
Tổng: 68 danh mục						